

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
TP- ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **58/2023/DS-ST**
Ngày: 12-9-2023
V/v tranh chấp kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đức Thọ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Bút

Lê Thị Hoàng Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Loan là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 121/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2023 về việc “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2023/QĐST-DS ngày 23/8/2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Đặng Thị Th**, sinh năm 1960; nơi ĐKNKTT: Phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; địa chỉ liên hệ: 118 Nguyễn Đình T, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện theo ủy quyền cho bà Thủy có: Bà **Nguyễn Thị Ng**, sinh năm: 1989; trú tại: Phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (Theo Giấy ủy quyền ngày 24/7/2023).

- *Bị đơn:* Bà **Ngô Thị H**, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà **Lê Thị Thanh Nh (Lê Thanh Nh)**, sinh năm: 1983; địa chỉ: Số 39 Đ, phường H, quận Liên Ch, thành phố Đà Nẵng.

(Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt; bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đặng Thị Th trình bày:**

Ngày 15/7/2019, bà Lê Thị Thanh Nh (Lê Thanh Nh) – con gái của bà Ngô Thị H có vay bà Đặng Thị Th với số tiền là 70.000.000 đ (Bảy mươi triệu đồng). Sau đó, bà Lê Thị Thanh Nh tiếp tục vay bà Th với số tiền là 20.000.000 đ (Hai mươi triệu đồng). Tổng cộng số tiền mà bà Nh đã vay của bà Th là 90.000.000 đ

(Chín mươi triệu đồng). Hai bên có lập giấy vay mượn trong những lần vay mượn trên ghi ngày 15/7/2019. Ngày 20/11/2019, bà Nh có trả trước cho bà Th số tiền là 30.000.000 đồng, sau đó hàng tháng bà Nh có trả góp cho bà Th mỗi lần một ít. Tính đến thời điểm hiện tại bà Nh còn nợ bà Th số tiền là 30.000.000 đồng. Ngày 09/12/2020, bà Ngô Thị H – mẹ bà Nh có viết giấy nhận nợ thay con và hẹn nợ có nội dung “*xin trả cho bà Th số tiền là 30.000.000 đồng vào ngày 10/01/2021*”. Tuy nhiên, từ đó đến nay bà Ngô Thị H vẫn không trả số tiền nợ còn lại cho bà Th, có biểu hiện trốn tránh, mặc dù bà Th đã nhiều lần yêu cầu bà H trả số nợ. Vì vậy, bà Đặng Thị Th yêu cầu Tòa án buộc bà Ngô Thị H có nghĩa vụ trả nợ cho bà Th số tiền nợ gốc còn lại là 30.000.000 đ (Ba mươi triệu đồng) và nợ lãi quá hạn tạm tính từ ngày vi phạm 11/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 12/9/2023 là 32 tháng = 32 tháng x 10%/năm x 30.000.000 đồng = 8.000.000 đồng. Tổng số tiền bà Th yêu cầu Tòa án buộc bà H phải trả là 38.000.000 đồng.

* Bị đơn bà Ngô Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thanh Nh trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ bà H, bà Nh để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bà H, bà Nh vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bị đơn bà Ngô Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thanh Nh (Lê Thanh Nh) đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Ngô Thị H, bà Lê Thị Thanh Nh theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Đặng Thị Th khởi kiện bị đơn bà Ngô Thị H cư trú tại địa chỉ thôn V, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng để yêu cầu trả số tiền mà bà H nhận nợ thay cho con gái là bà Lê Thị Thanh Nh. Đây là tranh chấp kiện đòi tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của của Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà Ngô Thị H trả số tiền nợ vay còn lại mà bà H đứng ra nhận nợ thay cho con gái là bà Lê Thị Thanh Nh (Lê Thanh Nh) với số tiền gốc còn lại là 30.000.000 đ (Ba

mười triệu đồng) và nợ lãi quá hạn tạm tính từ ngày vi phạm 11/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 12/9/2023 là 32 tháng = 32 tháng x 10%/năm x 30.000.000 đồng = 8.000.000 đồng. Tổng số tiền bà Th yêu cầu Toà án buộc bà H phải trả là 38.000.000 đồng.

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền gốc thì thấy:

Theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện: Ngày 15/7/2019, bà Lê Thị Thanh Nh – con gái của bà Ngô Thị H có vay bà Đặng Thị Th với số tiền là 70.000.000 đồng. Sau đó, bà Lê Thị Thanh Nh tiếp tục vay bà Th với số tiền là 20.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền mà bà Nh đã vay bà Th là 90.000.000 đồng. Hai bên có lập giấy vay mượn trong những lần vay mượn trên ghi ngày 15/7/2019. Ngày 20/11/2019, bà Nh có trả trước cho bà Th số tiền là 30.000.000 đồng, sau đó hàng tháng bà Nh có trả góp cho bà Th mỗi lần một ít. Tính đến thời điểm hiện tại bà Nh còn nợ bà Th số tiền là 30.000.000 đồng. Ngày 09/12/2020 bà Ngô Thị H – mẹ bà Nh có viết giấy nhận nợ thay con và hẹn nợ có nội dung “*xin trả cho bà Th số tiền là 30.000.000 đồng vào ngày 10/01/2021*”. Hội đồng xét xử xét thấy giấy mượn tiền ngày 15/7/2019 và đơn xin hẹn nợ ngày 09/12/2020 có đầy đủ các điều kiện của một giao dịch dân sự, phù hợp với quy định tại Điều 117, 118, 119 của Bộ luật dân sự nên có giá trị ràng buộc giữa các bên tham gia. Xét giấy mượn tiền ngày 15/7/2019 thể hiện chữ ký của bà Nh – con gái bà H, đến ngày 09/12/2020 bà Ngô Thị H thay con gái và hẹn nợ có nội dung “*xin trả cho bà Th số tiền là 30.000.000 đồng vào ngày 10/01/2021*”. Đến nay đã quá thời hạn trả số tiền trên nhưng H vẫn không trả cho Th. Như vậy, bà H đã vi phạm cam kết trả nợ mà hai bên đã thỏa thuận nên bà Th khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền là 30.000.000 đồng là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền lãi thì thấy:

Xét yêu cầu tính lãi vay đối với số tiền vay mượn còn lại là 30.000.000 đồng thì thấy: Căn cứ vào giấy mượn tiền giữa bà Đặng Thị Th và bà Lê Thị Thanh Nh; giấy nhận nợ thay con và hẹn nợ của bà Ngô Thị H có nội dung “*xin trả cho bà Th số tiền là 30.000.000 đồng vào ngày 10/01/2021*”. Hội đồng xét xử xét thấy đây là thỏa thuận cho vay có thời hạn, không có lãi. Tuy nhiên, đến thời hạn trả tiền nhưng bà H không trả tiền cho bà Th là vi phạm cam kết trả nợ. Do vậy, bà Th yêu cầu tính lãi kể từ ngày bà H vi phạm cam kết trả nợ theo mức lãi suất 10%/năm là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với khoản 4 Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Thời hạn xác định bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ bắt đầu từ ngày 11/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 12/9/2023 là 32 tháng = 32 tháng x 10%/năm x 30.000.000 đồng = 8.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 (khoản 4 Điều 27) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị đơn bà Ngô Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn là: 38.000.000 đồng x 5% = 1.900.000 đồng.

- Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn bà Đặng Thị Th không phải chịu án phí. Vì vậy, hoàn trả cho bà Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ: Khoản 2 Điều 26 (khoản 4 Điều 27) của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Th về việc tranh chấp kiện đòi tài sản đối với bị đơn bà Ngô Thị H.

Buộc bà Ngô Thị H phải trả cho bà Đặng Thị Th số tiền là 38.000.000 đ (Ba mươi tám triệu đồng), trong đó:

+ Nợ gốc là 30.000.000 đồng;

+ Nợ lãi tạm tính từ ngày vi phạm 11/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 12/9/2023 là 8.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Ngô Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch là: 1.900.000 đ (Một triệu, chín trăm nghìn đồng).

- Hoàn trả cho bà Đặng Thị Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 925.000 đ (Chín trăm, hai mươi lăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0000305 ngày 02/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa

vụ liên quan vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOA**

Lê Đức Thọ